

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty cổ phần Thuận Thảo xin chân thành cảm ơn Quý Ủy ban và Quý Sở đã hỗ trợ, giúp đỡ chúng tôi trong thời gian qua.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, Công ty cổ phần Thuận Thảo (Mã CK: GTT) đã công bố Báo cáo tài chính (BCTC) Quý 4 năm 2018. Ngày 28 tháng 03 năm 2019 Công ty nhận được BCTC năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Nay Công ty cổ phần Thuận Thảo xin giải trình số liệu chênh lệch giữa BCTC Quý 4 năm 2018 so với BCTC năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt như sau:

1. Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chênh lệch:

	NỘI DUNG	Mã số	Số liệu Công ty	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
	A	B	1	2	3=2-1
I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
A. TÀI SẢN					
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200	734.320.771.629	737.826.859.363	3.506.087.734
II. Tài sản cố định		220	707.363.899.341	710.869.987.075	3.506.087.734
1. Tài sản cố định hữu hình		221	707.363.899.341	710.869.987.075	3.506.087.734
Nguyên giá		222	937.068.259.793	941.413.276.054	4.345.016.261
Giá trị hao mòn lũy kế		223	(229.704.360.452)	(230.543.288.979)	(838.928.527)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270	747.167.884.506	750.673.972.240	3.506.087.734
B. NGUỒN VỐN					
A. NỢ PHẢI TRẢ		300	1.542.020.861.205	1.573.600.253.852	31.579.392.647
I. Nợ ngắn hạn		310	1.418.887.574.956	1.539.666.967.603	120.779.392.647
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	51.154.003	6.301.764.652	6.250.610.649
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	125.906.071.761	152.464.853.759	26.558.781.998
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318	1.230.000.000	-	(1.230.000.000)
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	540.196.804.699	629.396.804.699	89.200.000.000
II. Nợ dài hạn		330	123.133.286.249	33.933.286.249	(89.200.000.000)
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	105.945.642.541	16.745.642.541	(89.200.000.000)
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	(794.852.976.699)	(822.926.281.612)	(28.073.304.913)
I. Vốn chủ sở hữu		410	(794.852.976.699)	(822.926.281.612)	(28.073.304.913)



	NỘI DUNG	Mã số	Số liệu Công ty	Số liệu kiểm toán	Chênh lệch
	A	B	1	2	3=2-1
	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	-1.241.690.775.642	-1.269.764.080.555	-28.073.304.913
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b	-161.606.904.434	-189.680.209.347	-28.073.304.913
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	747.167.884.506	750.673.972.240	3.506.087.734
II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	40.988.667.747	63.932.965.882	22.944.298.135
	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	-159.310.660.060	-182.254.958.195	-22.944.298.135
	11. Thu nhập khác	31	5.635.810.446	615.199.797	-5.020.610.649
	12. Chi phí khác	32	7.932.054.820	8.040.450.949	108.396.129
	13. Lợi nhuận khác	40	-2.296.244.374	-7.425.251.152	-5.129.006.778
	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	-161.606.904.434	-189.680.209.347	-28.073.304.913
	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	-161.606.904.434	-189.680.209.347	-28.073.304.913
	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-3.715	-4.360	-645
III BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ					
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
	1. Lợi nhuận trước thuế	01	-161.606.904.434	-189.680.209.347	-28.073.304.913
	2. Điều chỉnh cho các khoản:				
	- Khấu hao tài sản cố định	02	35.214.952.761	35.214.952.753	-8
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-1.518.015.113	-133.740	1.517.881.373
	3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi V	08	-22.326.113.573	-48.881.537.121	-26.555.423.548
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	665.950.892	32.245.343.539	31.579.392.647
	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	774.340.617	774.340.625	8
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20	15.662.421.070	20.686.390.177	5.023.969.107
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ.	22	5.020.610.649	0	-5.020.610.649
	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận.	27	3.492.198	133.740	-3.358.458
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	3.656.779.732	-1.367.169.375	-5.023.949.107

400
CỘNG
CỔ PHẦN
LỢI
HÒA

2. Nguyên nhân chênh lệch:

2.1 Tài sản cố định hữu hình:

- Nguyên giá tăng 3.506.087.734 đồng là do điều chỉnh phục hồi nguyên giá tài sản Bến xe với số tiền là 4.345.016.261 đồng, đồng thời điều chỉnh phục hồi giá trị hao mòn lũy kế với số tiền là -838.928.527 đồng.

2.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng 6.250.610.649 đồng là do điều chỉnh khoản kết chuyển doanh thu bán tài sản Bến xe với số tiền là 5.020.610.649 đồng và doanh thu nhận trước bán Đồi Cò với số tiền là 1.230.000.000 đồng sang người mua trả tiền trước vì chưa đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu;

- 2.3 Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 26.558.781.998 đồng do hạch toán bổ sung khoản tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế tỉnh Phú Yên với số tiền là 22.944.298.135 đồng và hạch toán bổ sung khoản chi phí tiền chậm nộp thuế tính đến cuối năm 2018 với số tiền là 3.614.483.863 đồng;
- 2.4 Doanh thu chưa thực hiện giảm 1.230.000.000 đồng là do điều chỉnh khoản doanh thu nhận trước bán Đồi Cò sang người mua trả tiền trước như trình bày tại điểm 2.2;
- 2.5 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng 89.200.000.000 đồng do điều chỉnh chuyển vay dài hạn đến hạn trả của các khoản vay thuộc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Tài;
- 2.6 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm 89.200.000.000 đồng do điều chỉnh chuyển vay dài hạn đến hạn trả như trình bày tại điểm 2.5;
- 2.7 Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 28.073.304.913 đồng là do điều chỉnh khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ với số tiền là -28.073.304.913 đồng;
- 2.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 22.944.298.135 đồng do hạch toán bổ sung khoản tiền thuê đất theo thông báo của Cục thuế tỉnh Phú Yên như đã trình bày tại điểm 2.3;
- 2.9 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng lỗ với số tiền là 22.944.298.135 đồng chi phí quản lý doanh nghiệp tăng như đã trình bày tại điểm 2.8;
- 2.10 Thu nhập khác giảm 5.020.610.649 đồng do điều chỉnh hủy bút toán bán tài sản Bền xe với số tiền là 5.020.610.649 đồng sang người mua trả tiền trước vì chưa đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu như đã trình bày tại điểm 2.2;
- 2.11 Chi phí khác tăng 108.396.129 đồng do điều chỉnh sai sót trong quá trình tập hợp số liệu;
- 2.12 Do ảnh hưởng của việc điều chỉnh tại các điểm trên đây, làm cho các chỉ tiêu: Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cũng như Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng lỗ 28.073.304.913 đồng;
- 2.13 Từ những ảnh hưởng của việc điều chỉnh các điểm nêu trên đã làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ như: Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động, Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh, Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư cũng như lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư cũng thay đổi theo.

Trên đây là giải trình về chênh lệch của BCTC năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt và BCTC Quý 4 năm 2018.

Kính xin Quý Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét, chấp nhận.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Ban Kiểm soát
- VP TGĐ
- Lưu TK



TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ THỊ THANH

